TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66/2019/QĐST-HNGĐ	*An Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Mai Thị Quỳnh C; nơi cư trú: Thôn H, N, huyện A, thành phố Hải Phòng và anh Trương Minh T; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Quỳnh C và anh Trương Minh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị C và anh T thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Mai Thị Quỳnh C và anh Trương Minh T thỏa thuận đề nghị Tòa án giao con chung Trương Minh K sinh ngày 27 tháng 01 năm 2012 cho chị C nuôi dưỡng. Anh Trương Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Mai Thị Quỳnh C số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng. Xét thấy, quan điểm của chị C và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Mai Thị Quỳnh C và anh Trương Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Mai Thị Quỳnh C và anh Trương Minh T thỏa thuận chị Mai Thị Quỳnh C chịu cả lệ phí việc ly hôn sơ thẩm. Xét thấy, quan điểm của chị C và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Quỳnh C và anh Trương Minh T.

- Về con chung: Chị Mai Thị Quỳnh C nuôi dưỡng con chung Trương Minh K sinh ngày 27 tháng 01 năm 2012. Anh Trương Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Mai Thị Quỳnh C số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng. Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Mai Thị Quỳnh C và anh Trương Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Mai Thị Quỳnh C chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị Mai Thị Quỳnh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004148 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi thành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Lê Đức Lập